

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC
KHỐI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
TỔNG CỤC DU LỊCH NĂM 2013

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI CÔNG CHỨC TỔNG CỤC DU LỊCH NĂM 2013

Stt	Họ và tên thí sinh	Quê quán	Năm sinh		Số báo danh	Điểm thi các môn					
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Nghề vụ chuyên ngành		Tin học Văn phòng		Ngoại ngữ
							Viết	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Thực hành	
I	VĂN PHÒNG (06)										
1	Trịnh Thanh Hà	Hà Nội		06/12/1983	01	41,00	85,00	90,00	79,70	97,00	40,00
2	Nguyễn Thị Hoan	Nghệ An		20/10/1988	02	55,00	44,00	80,00	46,70	51,00	21,50
3	Nghiêm Thị Huế	Thanh Hóa		20/8/1982	03	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
4	Nguyễn Thị Lua	Hà Nội		09/8/1989	04	38,00	56,50	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
5	Lưu Thị Ngọc Mai	Hưng Yên		19/9/1991	05	39,00	42,00	70,00	69,80	51,00	16,00
6	Lê Thị Phương Liên	Phú Thọ		10/4/1989	06	20,00	46,75	65,00	59,90	51,00	39,00
II	VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ (24)										
1	Nguyễn Thị Kiều Anh	Hà Nội		10/1/1982	07	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
2	Đoàn Kim Chi	Hà Nam		03/3/1991	08	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
3	Nguyễn Thị Duyên	Hà Nội		19/5/1986	09	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
4	Triệu Thị Hà	Hòa Bình		01/3/1990	10	50,00	27,00	65,00	69,80	16,50	21,00

Stt	Họ và tên thí sinh		Quê quán	Năm sinh		Số báo danh	Điểm thi các môn					
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Nghề vụ chuyên ngành		Tin học Văn phòng		Ngoại ngữ
								Viết	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Thực hành	
5	Triệu Thị Hồng	Hà	Phú Thọ		01/6/1979	11	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
6	Nguyễn Thị	Hào	Thái Bình		08/10/1989	12	42,00	18,00	70,00	79,70	51,00	70,50
7	Nguyễn Thu	Hằng	Hà Nội		29/11/1991	13	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
8	Hà Thanh	Huyền	Hà Nội		20/5/1979	14	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
9	Nguyễn Tuấn	Hưng	Hà Nội	27/3/1985		15	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
10	Nguyễn Hoàng	Liên	Hà Nội		09/12/1987	16	27,00	25,50	75,00	76,40	56,50	66,00
11	Phạm Thị Phương	Loan	Phú Thọ		17/8/1987	17	50,00	18,50	60,00	73,10	50,50	18,00
12	Lê Nam	Long	Hà Tĩnh		01/12/1979	18	43,00	18,50	75,00	69,80	52,50	59,50
13	Dương Thị Vân	Nguyên	Thái Nguyên		08/6/1986	19	34,00	31,00	80,00	89,60	51,00	68,00
14	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nam Định		29/12/1991	20	43,00	30,50	80,00	84,60	50,00	69,00
15	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Quảng Ninh		25/01/1979	21	62,00	21,50	55,00	79,70	65,50	57,00
16	Bùi Thị	Phương	Thanh Hóa		10/02/1992	22	42,00	30,50	60,00	83,00	29,00	77,50
17	Trần Thanh	Tâm	Bắc Giang		04/5/1987	23	37,00	20,50	65,00	73,10	51,00	60,00
18	Hồ Thị Thu	Trang	Quảng Ninh		23/02/1990	24	63,00	26,50	80,00	79,70	62,00	61,00
19	Nguyễn Thu	Trang	Nam Định		05/12/1990	25	41,00	50,50	75,00	69,80	22,50	52,00
20	Nguyễn Thị	Trang	Phú Thọ		30/8/1988	26	45,00	51,50	75,00	73,10	50,00	77,00

Stt	Họ và tên thí sinh	Quê quán	Năm sinh		Số báo danh	Điểm thi các môn					
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Nghề vụ chuyên ngành		Tin học Văn phòng		Ngoại ngữ
							Viết	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Thực hành	
21	Ngô Thị Quỳnh Trang	Hà Nội		24/8/1987	27	56,00	26,00	75,00	73,10	80,50	75,50
22	Hoàng Thị Thanh Trà	Nghệ An		12/9/1987	28	41,00	12,50	50,00	73,10	51,00	26,50
23	Nguyễn Thị Thu Trà	Hà Nội		22/12/1984	29	62,00	13,50	65,00	73,10	68,50	37,00
24	Tô Thanh Tuyên	Nam Định	05/7/1986		30	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
III	VỤ TÀI CHÍNH (03)										
1	Lê Đức Phương	Hà Nội	09/10/1985		31	53,00	50,00	65,00	86,30	51,00	70,00
2	Phạm Ngọc Sơn	Hà Nam	01/10/1990		32	55,00	53,00	45,00	86,30	73,00	16,00
3	Nguyễn Văn Long	Hải Dương	04/02/1981		33	61,00	51,00	50,00	83,00	81,50	39,00
IV	VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ (04)										
1	Hoàng Tuyết Nga	Nghệ An		09/5/1991	34	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
2	Nguyễn Thị Liễu Trang	Quảng Ngãi		23/7/1983	35	34,25	54,50	40,00	66,50	64,50	43,50
3	Nguyễn Cẩm Tú	Hải Dương		07/3/1991	36	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
4	Nguyễn Thanh Xuân	Thái Bình		25/3/1987	37	31,75	46,50	65,00	73,10	78,00	61,50
V	VỤ LỮ HÀNH (08)										
1	Vũ Hương Giang	Hà Nội		25/11/1988	38	45,50	72,50	70,00	83,00	82,00	81,50
2	Ngô Bình Nam Giang	Thái Bình		09/6/1989	39	41,25	50,50	50,00	74,70	66,00	38,50

Stt	Họ và tên thí sinh		Quê quán	Năm sinh		Số báo danh	Điểm thi các môn					
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Nghề vụ chuyên ngành		Tin học Văn phòng		Ngoại ngữ
								Viết	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Thực hành	
3	Cao Thảo	Hương	Hà Nội		06/12/1990	40	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
4	Đặng Minh	Hoàng	Thái Bình	15/9/1986		41	39,50	53,00	60,00	83,00	33,00	67,50
5	Nguyễn Bá	Kỳ	Hà Nội	14/11/1983		42	45,50	64,00	65,00	64,80	84,00	50,00
6	Nguyễn Thị	Loan	Vĩnh Phúc		02/12/1991	43	26,00	52,50	50,00	79,70	51,00	77,00
7	Phạm Thúy	Nga	Hải Dương		18/3/1986	44	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
8	Phùng Minh	Trang	Cao Bằng		04/10/1988	45	50,75	68,50	70,00	73,10	68,50	85,00
VI	VỤ KHÁCH SẠN (06)											
1	Nguyễn Mai	Anh	Quảng Ninh		16/4/1990	46	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
2	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Hà Nội		29/11/1987	47	77,00	82,00	70,00	76,40	58,00	67,50
3	Phùng Hà	My	Hà Nội		28/11/1991	48	74,25	54,50	35,00	76,40	50,00	53,00
4	Khuất Thị Thu	Trang	Hà Nội		30/10/1986	49	51,50	60,50	50,00	63,20	52,50	33,50
5	Lê Thu	Trang	Hưng Yên		20/3/1989	50	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
6	Phạm Thị	Vinh	Hà Nam		28/01/1985	51	67,25	47,00	40,00	73,10	60,00	29,00
VII	VỤ THỊ TRƯỜNG DU LỊCH (06)											
1	Bùi Lan	Chi	Thái Bình		03/7/1990	52	73,10	58,50	75,00	73,10	71,00	84,50
2	Trần Thị Mai	Hương	Hưng Yên		27/01/1978	53	52,25	55,50	75,00	76,40	54,50	76,00

Stt	Họ và tên thí sinh	Quê quán	Năm sinh		Số báo danh	Điểm thi các môn					
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Nghệ thuật chuyên ngành		Tin học Văn phòng		Ngoại ngữ
							Viết	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Thực hành	
3	Nguyễn Trọng Hưng	Hà Nội	29/10/1983		54	48,25	66,00	60,00	79,70	87,50	50,50
4	Vũ Thị Thanh Lan	Nam Định		29/3/1991	55	41,10	46,50	60,00	64,80	61,00	10,00
5	Mông Thị Luân	Yên Bái		02/01/1985	56	38,75	73,25	55,00	86,30	55,00	51,50
6	Phan Anh Vũ	Hà Nội	06/8/1988		57	39,75	57,00	40,00	69,80	52,00	35,50
IIx	HỘI ĐỒNG (VTCB) (04)										
1	Lê Thị Vân Anh	Hà Nội		15/5/1989	58	50,00	63,50	50,00	66,50	86,00	73,50
2	Trần Thùy Linh	Bắc Giang		20/4/1991	59	58,50	51,50	55,00	66,50	60,00	58,00
3	Phạm Tô Linh	Hà Nội		22/01/1992	60	54,75	57,50	65,00	76,40	72,00	75,00
4	Lê Minh Thu	Phú Thọ		05/12/1987	61	60,25	74,00	90,00	78,40	68,00	74,00
	Tổng số	61	9	52							

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Thư ký Hội đồng

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Nguyễn Đình Sơn



TỔNG CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tuấn